

Số: 77/2017/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 08 tháng 12 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng  
hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình  
mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020  
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG  
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;*

*Xét Tờ trình số 218/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể như sau:**

**1. Đối tượng được hỗ trợ**

Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; Người dân nhóm hộ và cộng đồng dân cư, trong đó: ưu tiên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người khuyết tật còn khả năng lao động thuộc hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo; tạo điều kiện để người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị bán ra nước ngoài trở về Việt Nam thuộc hộ nghèo tham gia dự án (Tiểu dự án 2- Dự

án 2, dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020).

## 2. Nội dung và mức chi hỗ trợ dự án

a) Mức chi hỗ trợ dự án: tối đa 500 triệu đồng/dự án.

b) Mức hỗ trợ phát triển sản xuất.

Dự án trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu (thức ăn chăn nuôi, phân hóa học, thuốc thú y bảo vệ thực vật, vắc xin tiêm phòng các bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm; hỗ trợ làm chuồng trại, chăn nuôi, cải tạo diện tích nuôi thủy sản...). Thời gian thực hiện mỗi dự án tối đa không quá 03 năm, mức hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia dự án, cụ thể như sau: Đối với hộ nghèo mức hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/hộ; đối với hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo mức hỗ trợ tối đa 12 triệu đồng/hộ;

Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm: Mức hỗ trợ theo hợp đồng thuê, mua, sửa chữa và các chứng từ chi tiêu hợp pháp: hỗ trợ tối đa 50%, nhưng không quá 30 triệu đồng/dự án.

c) Chi phí xây dựng và quản lý dự án

Mức chi xây dựng và quản lý dự án: không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho dự án.

3. Những nội dung và mức hỗ trợ liên quan đến hỗ trợ dự án phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 không được quy định trong văn bản này thì áp dụng theo quy định hiện hành.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

5. Định mức thu hồi, luân chuyển kinh phí ngân sách nhà nước: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội

đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa IX, Kỳ họp thứ 06 thông qua ngày **08** tháng **12** năm **2017**, có hiệu lực từ ngày **18** tháng **12** năm **2017**./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH. ....

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Trương Văn Sáu**